SAO Y
Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh
Thời gian ký: 16/12/2022 15:56:27 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 84 /GPMT-UBND	*Trà Vinh, ngày 16 tháng 12 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 1684/SXD-GĐXD ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Sở Xây dựng đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (dự án điều chỉnh)" và hồ sơ kèm theo;

Xét Tờ trình số 606/TTr-STNMT ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án "Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (dự án điều chỉnh)".

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Sở Xây dựng, địa chỉ tại số 226 đường Trần Phú, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (dự án điều chỉnh)" tại các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thành phố Trà Vinh và xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (dự án điều chỉnh).

1.2. Địa điểm hoạt động: Các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thành phố Trà

Vinh và xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư

- Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hệ thống Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (dự án điều chỉnh).

- Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh một số khoản nêu tại Điều 1 Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 29 tháng 07 năm 2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.4. Mã số thuế: 2100190950

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thành phố Trà Vinh và xã Hoà Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh với tổng diện tích khoảng 748,84 ha.Trong đó, phạm vi các tuyến thu gom nước mưa, nước thải sinh hoạt, đường ống dẫn nước thải đến nhà máy xử lý nước thải có diện tích khoảng 745 ha và diện tích nhà máy xử lý nước thải là 3,84 ha.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất của dự án: Xử lý nước thải sinh hoạt công suất 18.000 m^3/ngày.đêm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 16. tháng 12 năm 2022 đến ngày 16. tháng 12 năm 2032).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Quỳnh Thiện

Nơi nhận:
- Sở Xây dựng;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- UBND thành phố Trà Vinh;
- UBND huyện Châu Thành;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN. 06

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 84 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh tại nhà máy xử lý nước thải.

Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt thu gom từ khu vực thành phố Trà Vinh.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy theo hệ thống dẫn nước thải, xả thải vào nguồn tiếp nhận là sông Cổ Chiên, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Cổ Chiên.

2.2. Vị trí xả nước thải: Sông Cổ Chiên.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1100398, Y = 596291 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 18.000 m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý sẽ được xả ra sông Cổ Chiên theo phương thức tự chảy; nước thải xả mặt và xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần
2	BOD_5 (20^oC)	mg/L	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000	

5	Sulfua (tính theo H_2S)	mg/L	4,0	
6	NH_4^+ (tính theo N)	mg/L	10	
7	NO_3^- (Tính theo N)	mg/L	50	
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
10	PO_4^{3-} (Tính theo P)	mg/L	10	
11	Coliform	MPN/ 100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải phát sinh tại nhà máy xử lý nước thải: Nước thải từ 05 nguồn phát sinh với lưu lượng tối đa khoảng 744 m^3/ngày được dẫn về trạm bơm nước thải nội bộ và tiếp tục bơm theo đường ống về hố đầu vào của hệ thống xử lý nước thải, cụ thể:

+ Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại tại nhà máy với lưu lượng khoảng 2,6 m^3/ngày được thu gom bằng hệ thống đường ống HPDE có đường kính D200, với i=0,5% về trạm bơm nước thải nội bộ.

+ Nước thải từ bể nén bùn với lưu lượng khoảng 518 m^3/ngày được thu gom bằng hệ thống đường ống HPDE có đường kính D160 - 200, với i = 0,5% về trạm bơm nước thải nội bộ.

+ Nước thải từ công đoạn tách rác, tách cát của hệ thống xử lý nước thải với lưu lượng khoảng 148 m^3/ngày được thu gom bằng hệ thống đường ống HPDE có đường kính D160 - 200, với i = 0,5% về trạm bơm nước thải nội bộ.

+ Nước thải từ sân phơi bùn với lưu lượng khoảng 74 m^3/ngày được thu gom bằng hệ thống đường ống HPDE có đường kính D90 - 160, với i = 0,5% về bể bơm nước thải nội bộ.

+ Nước thải từ nhà để các container, phát sinh từ quá trình rửa xe tại nhà máy với lưu lượng khoảng 1,5 m^3/ngày được thu gom bằng đường ống HPDE có đường kính DN110 sau đó nhập vào đường ống thu gom nước thải từ sân phơi bùn

để về trạm bơm nước thải nội bộ.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt từ khu vực Thành phố Trà Vinh: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ một số tuyến đường thuộc các phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, thành phố Trà Vinh và nước mưa được thu gom chung bằng hệ thống tuyến cống trọng lực gồm 02 loại cống là cống hộp và cống bê tông cốt thép, được bố trí các hố ga lắng cát, hố ga tách dòng, cửa xả thoát nước mưa. Nước mưa và nước thải sinh hoạt từ các tuyến cống thu gom với phương thức tự chảy về hệ thống 02 trạm bơm tăng áp PS-01 và PS-02, nước thải từ 02 trạm bơm tăng áp tiếp tục theo đường ống áp lực DN400, DN350 qua sông Long Bình sau đó nối vào tuyến cống bê tông DN900 để tự chảy về trạm bơm tăng áp PS-03. Từ trạm bơm PS-03, nước thải được bơm theo đường ống áp lực DN600 dẫn về hố đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải công suất 18.000 m^3/ngày đêm: Nước thải → Hố rửa → Hố đầu vào → Công trình tách rác → Bể lắng cát → Kênh đo lưu lượng → Hố phân phối → Bể lắng sơ bộ → Hố chuyển dòng → Kênh đo lưu lượng (trạm quan trắc) → Sông Cổ Chiên (Đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1).

- Công suất thiết kế: 18.000 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Kênh đo lưu lượng.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, pH, Nhiệt độ, COD, TSS.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: đã lắp đặt máy lấy mẫu tự động, liên tục với 12 chai mẫu.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt 02 camera giám sát ngoài trời

- Kết nối, truyền số liệu: đã lắp đặt 01 Bộ thiết bị truyền dữ liệu đến Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2022 đến tháng 01/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải 18.000 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 18.000 m^3/ngày.đêm. Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1100398, Y = 596291 (theo hệ tọa độ VN 2000,

kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1)
1	pH	-	5 - 9
2	BOD_5 (20°C)	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000
5	Sulfua (tính theo H_2S)	mg/L	4,0
6	NH_4^+ (tính theo N)	mg/L	10
7	NO_3^- (Tính theo N)	mg/L	50
8	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	PO_4^{3-} (Tính theo P)	mg/L	10
11	Coliform	MPN/100mL	5.000

2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý	Ngày 10/01/2023 Ngày 11/01/2023 Ngày 12/01/2023
2	Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; khẩn trương triển khai giai đoạn 2 của dự án nhằm nâng cấp nhà máy xử lý nước thải, bổ sung giai đoạn xử lý sinh học và đảm bảo nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 84 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh từ hoạt động của các máy thổi khí để cấp cho công trình lắng cát của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tọa độ vị trí: X=1100377; Y=596198 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^0 30'$, múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

Từ 6 -21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 -21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các máy thổi khí được lựa chọn có độ ồn thấp và trang bị các ống giảm thanh theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy xử lý, vừa tạo cảnh quan vừa giảm tiếng ồn và điều hòa khí hậu.

- Các thiết bị của hệ thống xử lý nước thải: Theo dõi, bảo trì định kỳ các thiết bị của hệ thống xử lý.

- Đảm bảo các máy móc, thiết bị được vận hành theo đúng thông số kỹ thuật của nhà sản xuất.

- Có kế hoạch kiểm soát và bảo dưỡng máy móc định kỳ, sửa chữa kịp thời các loại máy móc, thiết bị cũ và hư hỏng.

- Sử dụng hệ thống bơm chìm đối với cả bơm nước thải và nước cấp. Bảo trì, bảo dưỡng máy bơm theo định kỳ như hướng dẫn của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 84 /GPMT-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	5
2	Các loại dầu động cơ, hợp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	100
3	Giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	20
4	Dầu thuỷ lực tổng hợp thải	17 01 06	Lỏng	54
	Tổng cộng			**179**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy và bao bì carton, hộp mực in thải không chứa thành phần nguy hại	240
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	985.500

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 18.980 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại, thu gom và chứa trong các thùng bằng nhựa riêng biệt có dán tên và mã số từng loại chất thải nguy hại đặt tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Diện tích khu: 05 m^2 (2 m x 2,5 m). Thiết kế, cấu tạo khu chứa: Nền bê tông, vách xây gạch, mái tôn và đồng thời trang

bị các bảng tên, bảng cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định. Các thùng lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các bảng tên, bảng cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải công nghiệp thông thường phát sinh được phân loại, thu gom và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Đối với Giấy và bao bì carton, hộp mực in thải không chứa thành phần nguy hại: Được thu gom vào kho chứa diện tích 05 m^2 (2 m x 2,5 m). Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa: Nền bê tông, vách xây gạch, mái tôn và đồng thời trang bị các bảng tên, bảng cảnh báo chất thải thông thường theo quy định.

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý sẽ được bơm về Bể nén bùn (diện tích 50,24 m^2), tiếp tục bơm về Bể phân hủy lạnh (diện tích 2x 179,75 m^2); sau đó được bơm đến Sân phơi bùn (diện tích 4.845,61 m^2) để phơi bùn khô và chuyển xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Lưu giữ tại các thùng chứa, định kỳ chuyển giao cho Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh thu gom và xử lý.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt và định kỳ thu gom, chuyển giao đơn vị xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án.